



Người ký: LƯU THỊ KIM THÚY  
 Ngày ký: 08/10/2021 09:40:42  
 Chức danh: Chủ tài khoản  
 Đơn vị: TRƯỜNG THCS TRẦN VĂN QUANG  
 Nội dung: Phê duyệt hồ sơ giao nhận trực tuyến

Mẫu số 09  
 Mã hiệu:  
 Số

**BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG**  
 (Kèm theo Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi số: K0223, K0225, K0227, K0228, BN000 ngày 05 tháng 10 năm 2021)  
 Tài khoản tiền gửi

Tài khoản dự toán

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường THCS Trần Văn Quang  
 2. Mã đơn vị: 1125747  
 3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: Cổ phần Đông Á Chi nhánh Tân Bình, tài khoản số 016.861.570.001

1. Nội dung đề nghị thanh toán:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó						Tiền khoản	Tiền	Ghi chú				
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác								
									Phụ cấp ưu đãi	Truy Lành Phụ cấp ưu đãi				Khuyến học đồng trường	Hợp đồng trường	Công tác thiết bị	Công tác khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9				10	11	12			
	<b>Tổng số</b>			394.897.570	270.289.987	25.145.481	0	0	71.945.007	9.042.095	2.000.000	0	3.250.000	13.220.000	0	0	
	<b>Đối với công chức viên chức</b>			361.477.089	270.289.987	0	0	0	71.945.007	9.042.095	2.000.000	0	1.300.000	6.900.000	0	0	
1	LƯU THỊ KIM THÚY	0104472407	Đông Á	11.321.350	8.849.440				2.471.910								
2	NGUYỄN XUÂN HÒA	0102599725	Đông Á	12.385.739	9.892.552				2.493.187								
3	TRẦN TRỌNG HUẤN	0102463985	Đông Á	12.783.273	10.178.783				2.426.405	178.085							Truy PCUD từ tháng 02/2021
4	TRẦN THỊ XUÂN DUYÊN	0110995079	Đông Á	10.812.040	8.496.580				2.315.460								
5	NGUYỄN NGỌC ANH	0111115992	Đông Á	10.950.196	8.634.736				2.315.460								
6	ĐẶNG TIỀN KIỀU NGÂN	0111119391	Đông Á	10.527.408	8.301.348				2.226.060								
7	NGUYỄN NGỌC BÍCH	0111105328	Đông Á	10.950.196	8.634.736				2.315.460								
8	BUI THỊ KIM OANH	0102591787	Đông Á	9.581.769	7.503.219				2.078.550								
9	HỒ THỊ THỦ PHƯƠNG	0110650007	Đông Á	8.786.554	6.855.514				1.931.040								
10	NGUYỄN DUY SINH	0110869985	Đông Á	10.786.554	6.855.514				1.931.040		2.000.000						
11	TRẦN THỊ THANH THÚY	0102002246	Đông Á	7.151.317	5.515.297				1.636.020								
12	HÒA NAM	0102600676	Đông Á	7.490.623	5.765.203				1.725.420								
13	NGUYỄN VĂN TIẾP	0110649970	Đông Á	6.803.159	5.225.249				1.577.910								
14	CHU CÔNG CƯỜNG	0103263555	Đông Á	6.373.303	4.884.793				1.488.510								
15	ĐINH DUY TÂM	0110650018	Đông Á	6.417.711	4.929.201				1.488.510								
16	TRẦN THỊ HỒNG TRANG	0109928241	Đông Á	6.709.010	5.131.100				1.577.910								
17	NGUYỄN THỊ THUY CHÌ	0110650003	Đông Á	5.944.787	4.536.737				1.408.050								
18	NGUYỄN NGỌC THẢO LOAN	0107606177	Đông Á	5.661.702	4.320.702				1.341.000								
19	LÊ QUỐC THẮNG	0106071212	Đông Á	4.932.098	3.738.608				1.193.490								
20	NGÔ QUANG VIỆT	0111312471	Đông Á	5.021.151	3.760.611				1.260.540								
21	HOÀNG THỊ THANH THÚY	0101351398	Đông Á	6.914.717	4.867.457				1.492.980	554.280							Truy PCUD từ tháng 06/2021
22	DƯƠNG QUỐC TOÀN	0102599911	Đông Á	6.481.524	4.988.544				1.492.980								
23	TRƯƠNG NGỌC BÍCH VÂN	0103355181	Đông Á	6.086.218	4.664.758				1.421.460								
24	HOÀNG THỊ QUYÊN	0105207900	Đông Á	4.451.818	3.374.548				1.077.270								
25	ĐÀO THỊ HUỆ	0110856830	Đông Á	4.558.208	3.413.888				1.144.320								
26	ĐẶNG THỊ MINH	0111103007	Đông Á	4.156.262	3.150.512				1.005.750								
27	HÀ THỊ THOM	0110649980	Đông Á	6.499.007	4.867.457				1.077.270	554.280							Truy lương từ tháng 06/2021
28	NGUYỄN THỊ LAN CHI	0110649815	Đông Á	6.499.007	4.867.457				1.077.270	554.280							Truy lương từ tháng 06/2021
29	LÊ THỊ KIM NHƯNG	0110885827	Đông Á	4.291.125	3.213.855				1.077.270								
30	TRẦN THỊ HÒA MỸ	0108360109	Đông Á	3.739.153	2.800.455				938.700								



STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó										Ghi chú		
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác					Tiền khoán		Tiền	
									Phụ cấp ưu đãi	Truy Lãnh Phụ cấp ưu đãi	Khoản hợp đồng trường	Hợp đồng trường	Công tác thiết bị				Công tác khác
1	2	3		4	5	6	7	8	9					10	11	12	
59	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	0111395244	Đông Á	8.950.000		8.950.000											
60	TRẦN PHI GIAO	0101317817	Đông Á	5.012.000		5.012.000											
61	NGUYỄN HOÀNG NAM LỘC	0111274019	Đông Á	5.555.900		5.555.900											

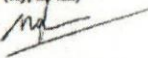
Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm chín mươi bốn triệu tám trăm chín mươi hai ngàn năm trăm bảy mươi đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Tổng số tiền tháng 10.2021 tăng so với tháng 09.2021 : 71.630.934 đ chi tiết như sau :

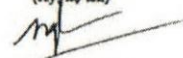
- Huỳnh Thị Ngọc Ngoan : Tăng mới từ tháng 08.2021 - số tiền : 15,951,537 đ
- Nguyễn Thủy Ân : Tăng mới từ tháng 08.2021 - số tiền 16,825,080 đ
- Ngô Vũ Hà Na: Tăng mới từ tháng 08.2021 - 16,745,067 đ
- Trần Trọng Huân truy lãnh phụ cấp vượt khung : - Số tiền : 983,329 đ
- Hoàng Thị Thanh Thủy : Hết thai sản làm lại và truy lãnh PCUD - số tiền : 5,421,737 đ
- Hà Thị Thơm: truy lãnh lương từ tháng 06,2021 - số tiền : 2,759,852 đ
- Nguyễn Thị Lan Chi : truy lãnh lương từ tháng 06,2021 - số tiền : 2,759,852 đ
- Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm : truy lãnh lương từ tháng 10,2020, phụ trách kiểm nhiệm - Số tiền : 7,967,230 đ
- Lại Thị Loan : Tăng thêm phụ trách kiểm nhiệm - số tiền : 1,900,000 đ
- Lưu Thị Kim Thủy : Giảm trừ công tác phí - Số tiền : -500,000 đ
- Nguyễn Thị Hiền: Có thêm phụ cấp chức vụ - Số tiền : 267,082 đ
- Nguyễn Thị Thủy Chi: Có thêm phụ cấp chức vụ - số tiền : 283,085 đ
- Ngô Quang Việt: Có thêm phụ cấp chức vụ - số tiền : 267,083 đ

Người lập  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Cẩm Tú

Phụ trách kế toán  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Cẩm Tú

Chuyên viên kiểm soát chi/ Giao dịch viên





Lưu Thị Kim Thủy

KHO BẠC NHÀ NƯỚC TÂN BÌNH

Ngày tháng năm

08-10-2021

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng  
được ủy quyền/ Giám đốc KBNN quận, huyện





**BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG**  
(Kèm theo Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi số: GR00007 ngày 05 tháng 10 năm 2021)

Tài khoản dự toán

:

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường THCS Trần Văn Quang

2. Mã đơn vị: 1125747

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: Cổ phần Đông Á Chi nhánh Tân Bình, tài khoản số 016.861.570.001

I. Nội dung đề nghị thanh toán:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	11	12	
	<b>Tổng số</b>			17.289.770	-	0	0	0	17.289.770	0	0	
<b>1</b>	<b>Đội với công chức viên chức</b>			17.289.770	0	0	0	0	17.289.770	0	0	
1	NGUYỄN NGỌC NGA	0111115992	Đông Á	2.000.662					2.000.662			
2	HỒ THỊ THU PHƯỢNG	0110650007	Đông Á	20.407					20.407			
3	LÊ THỊ TÂY PHỤNG	0111120562	Đông Á	681.513					681.513			
4	TRẦN THỊ THANH THUY	0102002246	Đông Á	2.044.559					2.044.559			
5	NGUYỄN THỊ THUY CHI	0110650003	Đông Á	273.797					273.797			
6	NGUYỄN NGỌC THAO LOAN	0107606177	Đông Á	880.928					880.928			
7	LÊ QUỐC THẮNG	0106071212	Đông Á	987.988					987.988			
8	NGÔ QUANG VIỆT	0111312471	Đông Á	31.246					31.246			
9	TRƯƠNG NGỌC BÍCH VAN	0103355181	Đông Á	31.883					31.883			
10	ĐÀO NGỌC QUANG	0103642752	Đông Á	247.768					247.768			
11	TRẦN THỊ HOA MY	0108360109	Đông Á	800.371					800.371			
12	ĐÀO THỊ HUỆ	0110856830	Đông Á	230.355					230.355			
13	ĐẶNG THỊ MINH	0111103007	Đông Á	964.704					964.704			
14	ĐOÀN THỊ BÌNH	0110895724	Đông Á	655.859					655.859			
15	BUI THỊ THAO	0110689872	Đông Á	188.976					188.976			
16	PHẠM ĐÌNH NGHĨA	0110897546	Đông Á	188.976					188.976			
17	NGUYỄN THỊ HIỀN	0110884195	Đông Á	188.976					188.976			
18	HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	0110917122	Đông Á	319.478					319.478			
19	NGUYỄN HOÀNG LÂM THẢO	0110673703	Đông Á	835.593					835.593			
20	NGÔ THỊ LY LY	0109592218	Đông Á	196.602					196.602			
21	BUI THỊ NGỌC TUYỀN	0110915128	Đông Á	289.023					289.023		Nghỉ thai sản từ T05/2021	
22	TRẦN THỊ TRANG	0111157138	Đông Á	11.116					11.116			
23	LAI HOÀNG THANH THẢO	0111338264	Đông Á	542.775					542.775			
24	LÊ THỊ LAN	0111338597	Đông Á	1.753.580					1.753.580			

Người ký: LƯU THỊ KIM THUY  
Ngày ký: 08/10/2021 09:40:05  
Chức danh: Chủ tài khoản  
Đơn vị: TRƯỜNG THCS TRẦN VĂN QUANG  
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ giao nhận trực tuyến



STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản	Tiền học bổng	
									9.1 Truy lãnh tiền phụ trợ - Năm 2020-2021	Công tác phí		
1	2	3		4	5	6	7	8	9	11	12	
25	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	0111337644	Đông Á	2.922.633					2.922.633			
II	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP			0	0	0	0	0	0	0	0	
III	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng			0	0	0	0	0	0	0	0	

Tổng số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu hai trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi đồng./.

II. Phần thuyết minh thay đổi: truy lãnh tiền phụ trợ đã chuyển ngày 09/09/2021 do điều chỉnh lại đơn giá tiết dạy phụ trợ cho giáo viên

Người lập  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Cẩm Tú

Phụ trách kế toán  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Cẩm Tú



Ngày 05 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lưu Thị Kim Thúy

KHO BẠC NHÀ NƯỚC TÂN BÌNH

08-10-2021

Ngày tháng năm

08-10-2021

Chuyên viên kiểm soát chi/ Giao dịch viên




Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng  
được ủy quyền/ Giám đốc KBNN quận, huyện

